TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 3 - 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phú và ông Hồ Sỹ Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn PA, xã LT, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn PA, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/9/2017 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày như sau: Nguyên đơn và anh Nguyễn Văn D tìm hiểu yêu thương nhau một thời gian và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 đến ngày 11/5/2015 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thủy, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D thường xuyên chửi mắng, xúc phạm và đánh đập chị D, anh D không chăm lo cuộc sống gia đình, nhiều lần chị D khuyên can nhưng anh D vẫn không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì nhau. Nay chị D xác

định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Có một người con chung tên là Nguyễn Lê Q, sinh ngày 21/5/2015; chị D yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Anh, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị L trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện chị Lê Thị L đã nộp tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh cháu Nguyễn Lê Q; bản sao sổ hộ khẩu gia đình; bản sao giấy chứng minh nhân dân chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn D.

Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn anh Nguyễn Văn D.

Tại bản khai đề ngày 09/11/2017 và Biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2018, anh Nguyễn Văn D trình bày với nội dung: Về quan hệ hôn nhân như chị D trình bày; quá trình chung sống anh D thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp; anh D có uống rượu dẫn đến vợ chồng gây gỗ, trong lúc cãi nhau anh D có lần đánh chị D, anh D hứa sẽ khắc phục và yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ. Về con chung: có một người con chung tên là Nguyễn Lê Q, sinh ngày 21/5/2015, nếu Tòa án giải quyết ly thì anh D đồng ý giao cháu Anh cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng. Anh D đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: Anh D trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng: Kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chị Lê Thị L chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn D chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; không có mặt trong các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06/02/2018 và tại phiên tòa hôm nay, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83

của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L. Về con chung: Đề nghị giao người con chung Nguyễn Lê Q cho chị D nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết; về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh, Ủy ban nhân dân xã LT, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho biết: Ủy ban nhân dân xã đã nhận được giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án đã tống đạt trực tiếp cho anh Nguyễn Văn D nhưng anh D không đến Tòa án làm việc theo yêu cầu của Tòa án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06 tháng 02 năm 2018, anh Nguyễn Văn D vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa cho anh Nguyễn Văn D nhưng tại phiên tòa hôm nay anh D vẫn vắng mặt.

Mặt khác tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2018 anh D trình bày: Anh D thừa nhận đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và phiên hòa giải, quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo về việc mở lại phiên tòa của Tòa án nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên anh D chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng của mình; anh D cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thủy, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị D và anh D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên chửi mắng nhau, anh D có đánh đập chị D và không chăm lo cuộc sống chung của vợ chồng; chị D nhiều lần khuyên can nhưng anh D không thay đổi. Từ tháng 6 năm 2017 chị D và

anh D sống ly thân cho đến nay, cuộc sống mỗi người tự lo liệu, không quan tâm chăm sóc cho nhau.

Mặc dù anh D có ý kiến xin đoàn tụ vợ chồng, nhưng qua các lần hòa giải tại Tòa án, phiên tòa sơ thẩm ngày 06/02/2018 và tại phiên tòa hôm nay (05/3/2018) anh D đều vắng mặt, chứng tỏ anh D không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng; trong khi chị D cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D. Xét thấy, cả chị D và anh D đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn D có một người con chung tên là Nguyễn Lê Q, sinh ngày 21/5/2015. Chị D có yêu cầu nuôi con; anh D cũng đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy: Chị D có công việc ổn định, sau khi sống ly thân thì chị D nuôi dưỡng cháu Anh cho đến nay nên cần giao cháu Anh cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, đúng quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh D cũng đồng ý về mức cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Lê Quốc Anh đủ 18 tuổi là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh D đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L, chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Nguyễn Lê Q, sinh ngày 21/5/2015 cho chị Lê Thị L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Lê Q đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn D có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Lê Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/001592 ngày 06/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P; chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thin hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã Lộc Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN NAM